

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 10 năm 2021

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục phổ thông năm học 2020 – 2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	541	275	266	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	413	77,09 %	75,56%	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	104	18,18 %	20,3%	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	18	3,64%	3,01%	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	6	1,13%	1,11%	
II	Số học sinh chia theo học lực	541	275	266	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	140	24,73 %	27,07 %	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	224	48%	38,72 %	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	147	23,27 %	31,20 %	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	17	4%	2,26%	
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	2		0,75%	
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	533	96,36 %	98,12 %	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	140	24,73 %	27,07 %	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	230	47,27 %	37,97 %	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	15	3,63%	1,87%	
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	8	1,09%	1,87	
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	4	2	2	
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0		
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	26	16 (5,81%)	11 (4,13 %)	
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp tỉnh/thành phố	1	1		
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0			

V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	0			
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	0			
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	0			
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	0			
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0			
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0			
VIII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng ngoài công lập (tỷ lệ so với tổng số)	0			
IX	Số học sinh nam/số học sinh nữ	278/263			
X	Số học sinh dân tộc thiểu số	2	2		

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Minh Tâm